

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành tại Quyết định số 585/QĐ-ĐHTG, ngày 27 tháng 8 năm 2012  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

### **Tên chương trình : CAO ĐẲNG TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Mã số : 51340201

Hình thức đào tạo: Chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người học có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn vững chắc; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; khả năng làm việc độc lập trong mọi tình huống.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành chương trình này, người học sẽ đạt được:

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ - tín dụng - ngân hàng, thị trường tài chính, tài chính công, tài chính quốc tế, bảo hiểm;
- Kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng;
- Nắm vững các chính sách, chế độ, quy trình của nghiệp vụ chuyên ngành tài chính - ngân hàng.

##### **1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp**

- *Kỹ năng cứng:*
  - + Hỗ trợ việc đưa ra các quyết định liên quan đến tài chính trong doanh nghiệp như: quyết định đầu tư; quyết định tài trợ; quyết định phân phối;
  - + Lập và phân tích báo cáo tài chính; phân tích hoạt động kinh doanh; giao dịch chứng khoán;
  - + Thao tác được những nghiệp vụ chuyên môn như: nghiệp vụ ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương; nghiệp vụ kế toán và giao dịch ngân hàng; nghiệp vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối; nghiệp vụ bảo hiểm;
  - + Có khả năng biết vận dụng kiến thức chuyên môn, đặc biệt kiến thức chuyên ngành trong việc xử lý các nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính – ngân hàng;
  - + Thành thạo kỹ năng nghiệp vụ để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công việc;
  - + Có khả năng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- *Kỹ năng mềm:*

+ Thành thạo kỹ năng nghiệp vụ để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công việc;

+ Khả năng tổ chức và thực hiện công việc khoa học, hiệu quả;

+ Làm việc nhóm, hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp và khách hàng.

*\* Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:*

- Có thể đảm nhận công việc được giao trong ngân hàng: cán bộ tín dụng, nhân viên quan hệ khách hàng, nhân viên kế toán, nhân viên phòng thanh toán quốc tế, nhân viên kinh doanh ngoại tệ;

- Có thể làm việc tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng và phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính – ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác;

- Có thể đảm nhận các công việc liên quan đến kinh doanh tiền tệ, thẩm định dự án, kinh doanh và đầu tư chứng khoán tại các tổ chức tài chính.

*\* Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:*

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo đại học.

### **1.2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp**

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, lương tâm nghề nghiệp;

- Có lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp;

- Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu đổi mới.

## **2. Thời gian đào tạo: 3 năm**

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **113**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **96**

(Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của nhà trường.

### **6. Thang điểm**

Thang điểm thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

### **7. Nội dung chương trình**

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ (MHP)
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
<b>7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>							<b>10</b>	<b>10</b>	
00012	Những NLCB của CNMLN I	22	8				2	2	

00013	Những NLCB của CNMLN 2	32	13				3	3	00012
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00013
03013	Đường lối CM của Đảng CSVN	29	16				3	3	03212
<b>7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>							<b>4</b>	<b>4</b>	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2	2	
<b>7.1.3. Ngoại ngữ</b>							<b>10</b>	<b>10</b>	
07043	Tiếng Anh 1	45					3	3	
07053	Tiếng Anh 2	45					3	3	07043
07004	Tiếng Anh 3	60					4	4	07053
<b>7.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</b>							<b>8</b>	<b>8</b>	
08123	Toán cao cấp C1	45					3	3	
08733	Xác suất - Thống kê A	45					3	3	08123
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
<b>7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng</b>									
<b>7.1.5.1. Giáo dục thể chất</b>							<b>90 tiết</b>		
12301	Thể dục và điền kinh*			60				60 tiết	
<i>Môn thể thao tự chọn (cơ bản): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau:</i>									
12381	Bóng đá 1*			30				30 tiết	
12391	Bóng chuyền 1*			30					
12401	Cầu lông 1*			30					
12411	Bóng rổ 1*			30					
12421	Võ Vovinam 1*			30					
12491	Cờ vua 1*			30					
<b>7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng</b>									
12923	Giáo dục Quốc phòng I B*	45						120 tiết	
12932	Giáo dục Quốc phòng II B*	30							
12943	Giáo dục Quốc phòng III B*	27		36					
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương</b>							<b>32</b>	<b>32</b>	
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở</b>							<b>25</b>	<b>20</b>	
66043	Kinh tế vi mô	30	15				3	3	
67003	Quản trị học	30	15				3	3	
71073	Luật thương mại	30	15				3	3	
69013	Nhập môn tài chính - tiền tệ	30	15				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	30	15				3	3	
<i>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 5 TC)</i>									
70013	Marketing căn bản	30	15				3	5	
66093	Kinh tế lượng	30		30			3		
66072	Kinh tế công cộng	20	10				2		
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	20	10				2		
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>							<b>33</b>	<b>29</b>	
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	20	10				2	2	
69122	Tài chính doanh nghiệp 2	20	10				2	2	69102
69132	Tài chính quốc tế	20	10				2	2	
68112	Thị trường tài chính	20	10				2	2	
69252	Tài chính công	20	10				2	2	
68022	Phân tích hoạt động kinh doanh	20	10				2	2	
69262	Phân tích báo cáo tài chính	20	10				2	2	
69112	Thị trường chứng khoán	20	10				2	2	



+ Thông qua dạy học các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác...

*\* Về đánh giá kết quả học tập*

Theo quyết định 43/QĐ – BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chú trọng đánh giá kỹ năng ứng dụng, thực hành của sinh viên, có các hình thức đánh giá qua bài tập thực hành, qua trắc nghiệm khách quan đối với những nội dung và yêu cầu thích hợp; đối với các học phần chuyên ngành, giảm bớt cách đánh giá nặng về thi cử, giảm trọng số điểm thi học phần, tăng trọng số và số lượng các bài tập tự nghiên cứu./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**(đã ký)**

**Ngô Tấn Lực**